

## Lyric

- 1 Make me a channel of your peace.  
Where there is hatred, let me bring your love.  
Where there is injury, your pardon, Lord,  
And where there's doubt, true faith in you.
- 2 Make me a channel of your peace.  
Where there's despair in life, let me bring hope.  
Where there is darkness only light,  
And where there's sadness ever joy.
- 3 O Master, grant that I may never seek  
So much to be consoled, as to console,  
To be understood as to understand,  
To be loved, as to love, with all my soul.
- 4 Make me a channel of your peace.  
It is in pardoning that we are pardoned,  
In giving of ourselves that we receive,  
And in dying that we're born to eternal life.

## Lời dịch

- Lạy Chúa, xin biến con nên khí cụ bình an của Chúa.  
Để con mang tình thương vào nơi oán thù.  
Để con mang thứ tha vào nơi lạng nhục.  
Để con mang chân lý Ngài đến nơi nghi ngờ.
- Xin biến con nên khí cụ bình an của Ngài.  
Để khi gặp thất vọng trong cuộc sống, con mang đến hy vọng.  
Nơi tối tăm, con mang đến ánh sáng.  
Và nơi sầu khổ chưa bao giờ có niềm vui.
- Ôi Lạy Chúa, xin cho con đừng luôn mong mỏi  
An ủi như khi được ủi an,  
Thấu hiểu như khi được hiểu thấu,  
Yêu mến như khi được mến yêu, với hết cả tấm lòng.
- Xin biến con nên khí cụ bình an của Ngài.  
Chính lúc con thứ tha, là lúc con được tha thứ,  
Chính lúc con hiến thân, là lúc con được nhận lãnh,  
Và chính lúc con chết đi, là lúc con được sinh vào sự sống vĩnh hằng.

## Usage

Day: Season of Lent, Lent (Sundays and Weekdays); Solemnities and Feasts, The Commemoration of All the Faithful Departed (All Souls' Day) (November 2)

Ngày: Mùa Chay (Chúa Nhật và ngày thường), các Lễ trọng và các Lễ kính thánh, Lễ kính nhớ các tín hữu đã qua đời (Lễ Các Đấng) (Ngày 2 tháng Mười Một)

Ritual: Rite of Religious Profession, Order of Christian Funerals, Funeral Liturgy for Adults and Children, Vigil for the Deceased, Rite of Christian Initiation of Adults.

Nghi thức: Nghi thức tuyên khấn, Nghi thức an táng Kitô Hữu, Phụng vụ lễ an táng cho người lớn và trẻ nhỏ, Canh thức hấp hối, Nghi thức khai tâm Kitô Giáo cho người lớn.

## Composer:



**Sebastian Temple** (1928-1997) grew up in South Africa and later moved to London, where he worked for the BBC on news broadcasts relating to South Africa. Sebastian converted to Catholicism and spent much of his time composing music for worship.

He is best remembered for "The Prayer of St. Francis," which was played at the funeral of Princess Diana.

Temple, penned the hymn for a collection for a Franciscan church in Los Angeles:

I wrote so easily and so prolifically that I took for granted that I could write music to the peace prayer of St. Francis. The album's other twelve songs fell out of my lips and on to a tape recorder very easily and I wrote them in two days. The third day was left for the peace prayer. Though inspirations for all came easily to me, its strange form drove me crazy. I could not come up with anything that sounded like music to my ears. I tried for a whole morning but nothing came. Finally, I was disgusted, looked at the little statue of St. Francis on my shelf and said angrily, "Well, if you want to write it, YOU do it. I can't." I got up, went to the kitchen, made a cup of tea and drank it. When I returned to the guitar, I picked it up, had the tape recorder running, and the song fell out of my mouth as it was recorded a few days later.

*(<http://everything2.com/title/Make+Me+a+Channel+of+Your+Peace>)*

**Sebastian Temple** (1928 – 1997) lớn lên ở Nam Phi và sau đó chuyển đến London, nơi ông làm công việc phát tin tức về Nam Phi cho đài BBC. Sebastian đã theo đạo Công giáo và dành nhiều thời gian của mình vào việc sáng tác nhạc phụng vụ.

Người ta nhớ nhất về ông qua bài hát "The Prayer of St. Francis", bài hát này chơi trong tang lễ của công nương Diana.

Temple đã sáng tác bài thánh ca này trong một tuyển tập cho một nhà thờ Phanxicô ở Los Angeles:

"Tôi đã viết một cách dễ dàng và sáng tác nhiều đến nỗi tôi chắc chắn rằng tôi có thể viết nhạc cho kinh hòa bình của Thánh Phanxicô. Mười hai bài hát khác trong tuyển tập cứ tuôn ra khỏi miệng tôi rồi ghi âm lại rất dễ và tôi sáng tác chúng trong vòng hai ngày. Tôi dành ngày thứ ba cho kinh hòa bình. Mặc dù cảm hứng cho tất cả các bài đến với tôi rất dễ, nhưng hình thức kỳ lạ của nó khiến tôi phát điên lên. Tôi không thể nghĩ ra bất cứ âm thanh sao cho vừa tai mình. Tôi đã cố gắng cả buổi sáng nhưng chẳng được gì. Cuối cùng, tôi chán nản, nhìn vào bức tượng nhỏ của Thánh Phanxicô trên kệ sách và nói một cách tức giận: "Này, nếu ngài muốn sáng tác thì ngài tự viết lấy đi. Con bó tay". Tôi đứng dậy, đi vào nhà bếp, làm một tách trà rồi uống. Khi tôi trở lại với cây ghi-ta, tôi cầm nó lên, mở băng ghi âm cho chạy và bài hát từ miệng tôi cất lên như đã được ghi lại vài ngày sau.

#394 Thanh Ca Dân Chúa, English Missal.  
#394 Thánh Ca Dân Chúa, English Missal.

## Vocabulary

- **Hatred** (danh từ): a very strong feeling of dislike for somebody/something: một cảm giác ghét cực kỳ một ai đó hay một vật nào đó  
*We know that the law is spiritual; but I am carnal, sold into slavery to sin. What I do, I do not understand. For I do not do what I want, but I do what I hate. (Rom 7: 14,15)*  
Vẫn biết rằng Lễ Luật là bởi Thần Khí, nhưng tôi thì lại mang tính xác thịt, bị bán làm tôi cho tội lỗi. Thật vậy, tôi làm gì tôi cũng chẳng hiểu: vì điều tôi muốn, thì tôi không làm, nhưng điều tôi ghét, thì tôi lại cứ làm. (Rm 7, 14 – 15)
- **Despair** (danh từ): the complete loss or absence of hope: sự tuyệt vọng hoàn toàn.  
*Insult has broken my heart, and I despair; I looked for compassion, but there was none, for comforters, but found none. (Ps 69:21)*  
Lời thoá mạ làm tim này tan vỡ, con héo hắt rã rời. Nỗi sầu riêng, mong người chia sẻ, luống công chờ, không được một ai; đợi người an ủi đôi lời, trông mãi trông hoài mà chẳng thấy đâu! (Tv 69, 21)
- **Console** (động từ): comfort (someone) at a time of grief or disappointment: an ủi ai đó tại một thời điểm đau buồn hay thất vọng  
*Thus we shall always be with the Lord. Therefore, console one another with these words. (1Thes 4:17,18)*  
Như thế, chúng ta sẽ được ở cùng Chúa mãi mãi. Vậy anh em hãy dùng những lời ấy mà an ủi nhau. (1Tx 4, 17 – 18)

## Usage

Scripture: John, 13, John, 14, Mark, 10, Matthew, 6, Romans, 14, Romans, 6  
Kinh Thánh: Gio-an 13, Gio-an 14, Mác-cô 10, Mát-thêu 6, Rô-ma 14, Rô-ma 6

Topical: Comfort, Commissioning, Discipleship, Eternal Life / Heaven, Love for Others, Meditation, Ministry / Mission, Peace, Petition / Prayer, Retreats  
Chủ đề: An ủi, Ủy thác, Cương vị môn đệ, Cuộc sống vĩnh cửu / Thiên đàng, Tình yêu với tha nhân, Suy niệm, Thừa tác vụ / Sứ vụ, Hòa bình, Lời khẩn cầu / Lời nguyện, Tĩnh tâm